

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 12 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 775/TTr-STNMT ngày 01/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty cổ phần Dancomilk Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại lô CN-12, CCN Thanh Vân, xã Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi Dancomilk Việt Nam” tại lô CN-12, cụm công nghiệp Thanh Vân, xã Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi Dancomilk Việt Nam.

1.2. Chủ dự án: Công ty cổ phần Dancomilk Việt Nam.

1.3. Địa điểm hoạt động: Lô CN-12, cụm công nghiệp Thanh Vân, xã Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 2400948554 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 28/10/2022.

1.5. Mã số thuế: 2400948554

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại lô CN-12, CCN Thanh Vân, xã Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang với diện tích 15.821 m².

- Quy mô, công suất của dự án đầu tư:

+ Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Sản xuất thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản: 96.000 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Dancomilk Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty cổ phần Dancomilk Việt Nam có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty cổ phần Dancomilk Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy

phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hiệp Hòa nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hiệp Hòa.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Hiệp Hòa, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi Dancomilk Việt Nam” tại lô CN-12, cụm công nghiệp Thanh Vân, xã Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang của Công ty cổ phần Dancomilk Việt Nam được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 1138/QĐ-TNMT ngày 10/11/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty cổ phần Dancomilk Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND huyện Hiệp Hòa; UBND xã Thanh Vân; Công ty TNHH Long Dũng; Công ty cổ phần Dancomilk Việt Nam và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty cổ phần Dancomilk Việt Nam (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP), TH, KTN;
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN Việt Anh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / 12 /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do:

Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án sau khi xử lý qua hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m³/ngày đêm đạt tiêu chuẩn quy định cụm công nghiệp Thanh Vân, huyện Hiệp Hoà được đấu nối với hệ thống thu gom nước thải và đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN Thanh Vân, huyện Hiệp Hoà do Công ty TNHH Long Dũng (*chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp*) xây dựng, và quản lý vận hành để tiếp tục xử lý (Theo Hợp đồng thuê lại đất gắn liền với cơ sở hạ tầng số 16/2022/HĐKT/LD-DANCOMILK ngày 01/11/2022 và Biên bản thoả thuận đấu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án tại cụm công nghiệp số 07/TTĐN/LD-Dancomilk ngày 25/10/2023 giữa Công ty TNHH Long Dũng và Công ty cổ phần Dancomilk Việt Nam), sau đó thải ra nguồn tiếp nhận; dự án không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh sau khi được xử lý sơ bộ qua 01 bể tự hoại 3 ngăn với dung tích 30 m³ và nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà bếp sau khi được xử lý sơ bộ qua 01 bể tách dầu mỡ dung tích 1m³, được thu gom theo đường ống PVC D200 chiều dài khoảng 32m dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m³/ngày đêm của dự án để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m³/ngày đêm: Nước thải sinh hoạt (nước thải từ khu nhà vệ sinh sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn và nước thải nhà bếp sau khi xử lý qua bể tách dầu mỡ) → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng (Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn quy định của cụm công nghiệp Thanh Vân, huyện Hiệp Hoà) → Hệ thống thu gom nước thải của CCN Thanh Vân, huyện Hiệp Hoà.

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ vi sinh MBBR

- Công suất thiết kế: 10 m³/ngày đêm
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clorine: 4 kg/tháng; Dinh dưỡng: Methanol/Mật rỉ đường: 60 kg/tháng.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.3.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành).

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Các hóa chất sử dụng tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Đảm bảo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác,... để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

1.3.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố

- Khi gặp sự cố lượng nước thải phát sinh vượt công suất hệ thống xử lý hay sự cố kỹ thuật khác: Dừng hoạt động hệ thống xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục. Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc và phải dừng hoạt động của hệ thống khắc phục sự cố, thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý.

- Khi sự cố của hệ thống xử lý nước thải xảy ra như: 01 trong các bể bị sự cố phải ngưng hoạt động; nứt vỡ đường ống thoát nước thải hay mất điện... sẽ ứng phó kịp thời như sau:

+ Khi một trong các bể gặp sự cố phải ngưng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải; cán bộ, công nhân vận hành phụ trách công tác kiểm tra mạng lưới cấp, thoát nước của toàn công trình.

+ Hệ thống cấp khí gặp sự cố: Việc cấp khí cho hệ thống được thực hiện bởi 02 máy thổi khí (làm việc luân phiên), khi một máy cấp khí gặp sự cố phải ngừng hoạt động thì còn lại sẽ lại việc bình thường trong thời gian máy kia đưa đi sửa chữa. Hệ thống đường ống dẫn khí được cung cấp cho bể xử lý sinh học, lượng khí sử dụng cho các hạng mục đều được không chế bởi các van, trong trường hợp một trong các hạng mục gặp sự cố về đường cấp khí cần phải sửa chữa thì có thể khóa van trong khi các hạng mục khác vẫn hoạt động bình thường.

- Sự cố với máy bơm: Kiểm tra máy bơm xem nước có được đẩy lên hay không.

Khi máy bơm hoạt động nhưng không lên nước, kiểm tra lần lượt như sau:

- + Nguồn điện cung cấp năng lượng có ổn định không.
- + Cánh bơm có bị chèn vào chướng ngại vật nào không.
- + Trang bị 2 máy bơm, vừa để sử dụng dự phòng trong trường hợp máy bơm chính gặp sự cố, vừa để bơm kết hợp với máy bơm chính trong trường hợp cần bơm với lưu lượng lớn hơn.
- Trường hợp mạng lưới điện trong khu vực bị mất cho vận hành ngay máy phát điện dự phòng để kịp thời đưa hệ thống vào vận hành trở lại.
- Trường hợp thời gian sửa chữa kéo dài vượt quá khả năng lưu chứa tại các bể của hệ thống, công ty sẽ thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải của bể và mang đi xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ ngày 01/10/2024 đến ngày 30/12/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại vị trí đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m³/ngày đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm: Đạt tiêu chuẩn quy định của cụm công nghiệp Thanh Vân
1	pH	-	5,5-9
2	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
4	COD	mg/l	150
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
6	Sunfua	mg/l	0,5
7	Tổng nitơ	mg/l	40
8	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
10	Coliform	vi khuẩn /100ml	5000

2.2.3. Tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
----	-----------------	-------------------	------------------	-------------------

1	- 01 vị trí nước thải đầu vào (tại bể điều hòa) của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	pH, BOD ₅ , COD, Chất rắn lơ lửng, Sunfua, Amoni (tính theo N), Tổng dầu mỡ	Lấy mẫu 1 lần. Thời gian dự kiến lấy mẫu: Ngày: 05/11/2024	Tiêu chuẩn theo quy định của CCN Thanh Vân
2	- 01 vị trí hồ ga quan trắc nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý	khoáng; Tổng phốt pho (tính theo P), Tổng nito; Coliform.	Lấy mẫu 01 ngày/lần. Lấy mẫu trong vòng 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau: - Lần 1: 05/11/2024 - Lần 2: 06/11/2024 - Lần 3: 07/11/2024	

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng Tiêu chuẩn theo quy định của CCN Thanh Vân, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hiệp Hòa để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải:** 03 nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ công đoạn nghiền.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ công đoạn nạp nguyên liệu
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ lò hơi.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

Dự án có 03 dòng khí thải tại 03 ống thoát khí thải sau 03 hệ thống xử lý khí thải.

2.1. Vị trí xả khí thải:

Dòng khí thải	Vị trí xả khí thải	Toạ độ vị trí xả khí thải (hệ toạ độ VN-2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiếu 3⁰)	Địa điểm
Dòng khí thải số 01	01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn nghiền	X = 2368052; Y = 393678	Vị trí xả khí thải của dự án tại lô CN-12, CCN Thanh Vân, xã Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang
Dòng khí thải số 02	01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn nạp nguyên liệu	X = 2368045; Y = 393669	
Dòng khí thải số 03	01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ lò hơi	X = 2368059; Y = 393687	

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 42.000m³/giờ, tương đương 504.000m³/ngày (tính theo 12 giờ), trong đó:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 12.000 m³/giờ, tương đương 144.000m³/ngày (tính theo 12 giờ)
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 10.000 m³/giờ, tương

đương 120.000m³/ngày (tính theo 12 giờ).

- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 20.000 m³/giờ, tương đương 240.000m³/ngày (tính theo 12 giờ).

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc (thời gian làm việc 12 giờ/ngày).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B), cụ thể như sau

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19: 2009/BTNMT cột B			Tần suất quan trắc định kỳ
			Khí thải phát sinh từ công đoạn nghiền	Khí thải phát sinh từ công đoạn nạp nguyên liệu	Khí thải phát sinh từ lò hơi	
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	200	200	Dự án không thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 3 điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	CO	mg/Nm ³	-	-	1.000	
3	SO ₂	mg/Nm ³	-	-	500	
4	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	-	-	850	

Ghi chú: “- ”: Không quan trắc

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

* Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn nghiền

Khí thải (bụi) phát sinh từ 2 máy nghiền được thu gom bằng 02 chụp hút trực tiếp vào thiết bị qua cửa hút ϕ 350, kết cấu ống thép dày 2mm bằng quạt hút

(gồm 01 quạt hút công suất: 18,5Kw, lưu lượng khí hút: 12.000 m³/giờ) đưa về thiết bị lọc bụi tay áo. Khí thải sau khi xử lý thoát ra ngoài môi trường qua ống thoát khí thải (kích thước ống thoát khí ϕ 400, chiều cao 12 m, kết cấu ống thép dày 2mm).

* Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn nạp nguyên liệu

Khí thải (bụi) phát sinh từ 6 cửa nạp nguyên liệu được thu gom bằng 06 chụp hút trực tiếp vào thiết bị qua cửa hút ϕ 350, kết cấu ống thép dày 2mm bằng quạt hút (gồm 01 quạt hút công suất: 7,5Kw, lưu lượng khí hút: 10.000 m³/giờ) đưa về thiết bị lọc bụi tay áo. Khí thải sau khi xử lý thoát ra ngoài môi trường qua ống thoát khí thải (kích thước ống thoát khí ϕ 350, chiều cao 12 m, kết cấu ống thép dày 2mm).

- Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ lò hơi

Khí thải phát sinh từ lò hơi được thu về đường ống dẫn khí ϕ 250, chiều dài khoảng 8m, kết cấu thép chịu nhiệt bằng quạt hút (gồm 01 quạt hút công suất: 18,5Kw, lưu lượng khí hút: 20.000 m³/giờ) đưa về hệ thống xử lý khí thải. Khí thải sau khi xử lý thoát ra ngoài môi trường qua ống thoát khí thải (kích thước ống thoát khí ϕ 600, chiều cao 12 m, kết cấu Inox SUS 304 dày 2m).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

* Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn nghiền:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Đường ống dẫn khí → Thiết bị lọc bụi tay áo → Quạt hút → Ống thoát khí thải → Môi trường (Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B).

- Công suất thiết kế: 12.000 m³/giờ.

* Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn nạp nguyên liệu

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Đường ống dẫn khí → Thiết bị lọc bụi tay áo → Quạt hút → Ống thoát khí thải → Môi trường (Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B).

- Công suất thiết kế: 10.000 m³/giờ.

* Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ lò hơi

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Đường ống dẫn khí → Tháp hấp thụ (sử dụng dung dịch NaOH) → Quạt hút → Ống thoát khí thải → Môi trường (Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B).

- Công suất thiết kế: 20.000 m³/giờ.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố

- Luôn dự trữ trong kho của dự án đầy đủ các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải, đặc biệt là các thiết bị hay hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn khí, quạt hút... trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của nhân viên cơ điện và nhân viên phụ trách vận hành hệ thống xử lý khí thải tại dự án, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

- Có nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Định kỳ 03 tháng/lần kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải để phát hiện hỏng hóc và sửa chữa kịp thời.

- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại nhà máy, đồng thời dừng hoạt động, liên hệ đơn vị thi công lắp đặt, sửa chữa bảo dưỡng chuyên môn để khắc phục và đồng thời báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ ngày 01/10/2024 đến ngày 30/12/2024

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- 01 hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn nghiền
- 01 hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn nạp nguyên liệu
- 01 hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ lò hơi

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn nghiền;

- 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn nạp nguyên liệu

- 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ lò hơi

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (*theo nội dung được cấp phép tại Phần A phục lục này*).

2.5. Tần suất lấy mẫu:

STT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn nghiền	Bụi tổng	Giai đoạn vận hành ổn định: Lấy 01 mẫu đơn đầu ra tần suất 1 ngày/lần, trong 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau: -Lần 1: 05/11/2024 -Lần 2: 06/11/2024 -Lần 3: 07/11/2024	QCVN 19:2009/ BTNMT cột B
2	01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn nạp nguyên liệu	Bụi tổng		
3	01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ lò hơi	Bụi tổng, CO, SO ₂ , NO _x (tính theo NO ₂)		

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hiệp Hòa để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 01 nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung từ khu vực đặt máy móc thiết bị tại xưởng sản xuất

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- 01 vị trí tại khu vực đặt máy móc thiết bị. Tọa độ: X = 2368046; Y = 393682 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2016/BYT - Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	85	85	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	1,4m/s ²	1,4m/s ²	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Lắp đệm cao su chống rung cho các máy móc thiết bị có độ rung cao.
- Bôi trơn cho các chi tiết hoạt động để giảm ma sát nhằm giảm tiếng ồn sinh ra.
- Nhà xưởng thông thoáng, lắp đặt hệ thống quạt thông gió, tạo không gian rộng rãi, giảm khả năng vang vọng tiếng ồn.

- Công nhân được trang bị đầy đủ các phương tiện chống ồn như: nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ, đặc biệt tại các vị trí làm việc có mức độ ồn cao.

- Bố trí hợp lý nhân lực làm việc trong các khu vực ô nhiễm ồn, rung nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho các công nhân.

- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương pháp bảo hộ lao động thường xuyên của công nhân, tránh hiện tượng có phương tiện bảo hộ mà không sử dụng,....

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị máy móc phát sinh tiếng ồn, độ rung,...

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	15
2	Dầu bôi trơn tổng hợp thải	80
3	Găng tay, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	120
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại chứa thành phần nguy hại	50
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa chứa thành phần nguy hại	20
6	Pin, ắc quy thải	10
7	Cặn dung dịch NaOH thải từ hệ thống xử lý khí thải	10
Tổng khối lượng		305

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên, gồm:

- Bao bì, nhãn mác, thùng carton,... đựng nguyên liệu, sản phẩm lỗi hỏng không tái sử dụng được: khoảng 1000 kg/năm.

- Nguyên liệu sản xuất rơi vãi,... không tái sử dụng được khoảng 1kg/ngày.

- Tro xỉ từ hoạt động của lò hơi đốt than, củi: khoảng 300 kg/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 50 kg/ngày, thành phần chủ yếu là ni lông, vỏ chai lọ, vỏ hoa quả bánh kẹo, giấy,... phát sinh từ nhà vệ sinh, văn phòng và nhà ăn.

Ngoài ra phát sinh bùn thải từ bể tự hoại khoảng 4m³/năm, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 61kg/năm, tương đương khoảng 0,044m³/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Trang bị 10 thùng chứa chất thải bằng nhựa có nắp đậy dung tích từ 100 đến 200 lít/thùng, có dán mã chất thải nguy hại (CTNH), dấu hiệu cảnh báo theo quy định tương ứng với chất thải phát sinh tại dự án.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Diện tích kho chứa CTNH: 10 m², được bố trí bên ngoài nhà xưởng.
- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Xây tường gạch, mái lợp tôn, nền láng xi măng, có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng, thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH theo quy định (tần suất 6 tháng/lần).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí khoảng 10 thùng chứa bằng nhựa, dung tích từ 200 đến 500 lít/thùng.

2.2.2. Kho /khu vực lưu chứa

- Diện tích kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: 30 m², được bố trí bên trong nhà xưởng.
- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: được xây vách ngăn khung lưới thép, dán biển báo theo quy định.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng, thu gom, vận chuyển xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định (tần suất 3 tháng/lần hoặc khi kho chứa đầy).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí khoảng 10 thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy dung tích 25 lít/thùng đặt tại khu vực nhà văn phòng, khu vệ sinh, nhà xưởng, nhà ăn,....

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho chứa chất thải rắn sinh hoạt: 8m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Xây tường gạch, mái lợp tôn, nền láng xi măng, có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định (tần suất 3 ngày/lần).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải, hệ thống xử lý nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải, hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố kịp thời; chỉ được tiếp tục hoạt động dự án khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(*Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023*
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Công ty cổ phần Dancomilk Việt Nam có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày đêm để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt từ hoạt động của dự án đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định cụm công nghiệp Thanh Vân trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của CCN Thanh Vân, huyện Hiệp Hoà; đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành các hệ thống xử lý khí thải của dự án để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hiệp Hòa trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 775/TTr-TNMT ngày 01/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.